

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

Thẻ trăm, chục, đơn vị hoặc bộ đồ dùng toán; giấy và bút. Có thể dùng lại đồ dùng sau mỗi nhiệm vụ.

Thử nhắm trước; có thể dùng vật hoặc quan hệ cộng để kiểm sau. Nếu cần vật để tìm lần đầu, ghi đúng điều đó.

Khi đề yêu cầu viết, em viết phép tính và câu trả lời trên giấy; ghi riêng phần nhờ người lớn ghi.

BÀI 1

Số bị trừ, số trừ và hiệu

Nhận biết thành phần phép trừ và nhắm các trường hợp đơn giản trong 20.

VÍ DỤ

Trong $17 - 5 = 12$, 17 là số bị trừ, 5 là số trừ, 12 là hiệu. Có thể kiểm 12 với 5 gộp lại được 17.

1 Nhắm $14 - 3$ rồi nêu số bị trừ, số trừ và hiệu.

2 Trong phép tính đã cho $18 - 6 = 12$, chỉ số bị trừ, số trừ và hiệu.

3 Nhắm $18 - 0$ và $18 - 18$. Giải thích hai trường hợp.

4 Có 15 thẻ, lấy ra 7 thẻ. Viết phép tính và nói hiệu trả lời điều gì.



Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 2

Tách phần bớt để đi qua mười

Nhẩm phép trừ trong 20 bằng cách bớt tới 10 rồi bớt tiếp.

VÍ DỤ

$13 - 5$: tách 5 thành 3 và 2. Bớt 3 từ 13 còn 10, bớt tiếp 2 còn 8. Hai phần bớt có tổng 5, không bớt 5 thêm lần nữa.

1 Nhẩm $13 - 5$. Nói hai phần của số 5 mà em dùng.

2 Nhẩm $14 - 8$ bằng cách đi qua 10.

3 Thử nhẩm $17 - 9$ rồi dùng vật kiểm nếu cần.

4 Có 11 miếng giấy, dùng 7 miếng. Nhẩm số còn lại, viết phép tính và câu trả lời.

LUYỆN THÊM · LT1

Nhẩm $13 - 6$ bằng cách bớt tới 10 rồi bớt tiếp. Viết hai bước em dùng.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 3

Dùng quan hệ cộng để nhẩm trừ

Tìm hiệu trong 20 qua quan hệ tổng và hai phần rồi kiểm bằng cộng.

VÍ DỤ

Biết $7 + 8 = 15$ thì $15 - 7 = 8$ và $15 - 8 = 7$. Khi trừ, tìm phần nào gộp với số trừ để được số bị trừ.

1 Nhẩm $15 - 7$ rồi viết phép cộng để kiểm.

2 Nhẩm $16 - 9$. Nói một quan hệ cộng giúp em biết.

3 Nhẩm $18 - 9$ và $20 - 8$, rồi kiểm mỗi hiệu bằng cộng.

4 Cần 20 thẻ, đã có 13 thẻ. Còn cần làm bao nhiêu? Nhẩm, viết phép tính và câu trả lời.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 4

Nhẩm trừ để giải chuyện và kiểm lời bạn

Chọn và nhẩm phép trừ trong 20 theo quan hệ của chuyện.

VÍ DỤ

Cần 17 nhãn, đã có 8 nhãn. Phần còn thiếu là $17 - 8 = 9$; cần làm 9 nhãn nữa. Dù câu hỏi nói làm thêm, ta tìm một phần của tổng 17 bằng phép trừ.

- 1** Có 19 que, dùng 6 que. Nhẩm rồi viết số que còn lại với phép tính.

- 2** Lan có 14 kẹo, Mai ít hơn Lan 9 kẹo. Mai có bao nhiêu? Viết phép tính và câu trả lời.

- 3** Cần 17 nhãn, đã làm 8. Nhẩm số nhãn còn cần làm rồi kiểm.

- 4** Bạn nói $15 - 7 = 9$. Em kiểm bằng quan hệ cộng và sửa.

Họ và tên: _____ Lớp: _____ Ngày: _____

Cách em làm và kiểm

BÀI 5

Nhẩm trừ số tròn chục, tròn trăm trong 1000

Nhẩm trừ số tròn chục, tròn trăm trong 1000 theo số nhóm.

VÍ DỤ

700 – 300 là 7 trăm bớt 3 trăm, còn 4 trăm tức 400. 240 – 80 là 24 chục bớt 8 chục, còn 16 chục tức 160. Từ 1000 bớt 400: 10 trăm bớt 4 trăm còn 6 trăm, bằng 600.

1 Nhẩm 240 – 80 và 590 – 40. Nói số chục em dùng.

2 Nhẩm 900 – 300 và 1000 – 400 theo số trăm.

3 Nhẩm 700 – 700 và 450 – 200. Giải thích bớt hết hoặc bớt số trăm.

4 Kho có 800 tờ giấy, dùng 300 tờ. Nhẩm, viết phép tính và câu trả lời.
